

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 315/2023/DS-PT

Ngày: 20.7.2023

V/v “tranh chấp thừa kế,
hợp đồng tặng cho và đòi lại tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Thanh

Các Thẩm phán: Ông Trần Tuấn Quốc
Ông Võ Bảo Anh

- Thư ký phiên tòa: ông Huỳnh Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên.

Vào ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số 130/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023, về “Tranh chấp thừa kế, hợp đồng tặng cho và đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 279/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Dương Thị H**, sinh năm 1935. Địa chỉ: Số C đường Đ, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

Đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông **Trần Văn S**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số B, đường số D, khu dân cư C-H, khu vực 2, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (Văn bản ủy quyền ngày 12/12/2019). (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Huỳnh Hồng V**, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số A đường L, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

Đại diện hợp pháp cho bị đơn: Bà **Phạm Thị Vỹ L**, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số H, N, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ. (Văn bản ủy quyền ngày 18/3/2023). (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Ngô Xuân B**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số E khu vực T, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

Đại diện hợp pháp cho ông B: Ông **Cao Hữu S1**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số B, đường số D, khu dân cư C-H, khu vực 2, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (Văn bản ủy quyền ngày 17/01/2023). (Có mặt).

3.2. Bà **Nguyễn Thị Kiều O**, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số E khu vực T, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện hợp pháp cho bà O: Ông **Ngô Xuân B**, sinh năm 1978. (Văn bản ủy quyền ngày 28/11/2022). (Vắng mặt).

3.3. Chị **Ngô Tố M**, sinh năm 1993. (Vắng mặt).

3.4. Anh **Ngô Thống T**, sinh năm 1997. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số A đường L, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện hợp pháp cho chị M và anh T: Bà **Phạm Thị Vỹ L**, sinh năm 1979. (Văn bản ủy quyền ngày 18/3/2023). (Có mặt).

3.5. **Công ty TNHH C**. Địa chỉ: Số A đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (Xin vắng mặt).

3.6. Bà **Nguyễn Kim H1**, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số E khu vực T, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

Đại diện hợp pháp cho bà H1: Ông **Ngô Xuân B**, sinh năm 1978 (Văn bản ủy quyền ngày 28/11/2022). (Vắng mặt).

3.7. Bà **Ngô Ngọc P**, sinh năm 1980. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số E khu vực T, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.

3.8. Bà **Ngô Minh T1**, sinh năm 1958. (Vắng mặt)

3.9. Bà **Ngô Minh N**, sinh năm 1963. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số B đường H, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3.10. Ông **Ngô Xương P1**, sinh năm 1971. (Vắng mặt).

3.11. Ông **Ngô Xương D**, sinh năm 1965. (Vắng mặt).

3.12. Ông **Ngô Xương H2**, sinh năm 1976. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số C đường Đ, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện hợp pháp cho ông Ngô Xương P1, ông Ngô Xương D và ông Ngô Xương H2, Ngô Minh N: Ông **Ngô Xuân B**, sinh năm 1978. (Văn bản ủy quyền ngày 20/12/2022). (Vắng mặt).

3.13. Ủy ban nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ. (Yêu cầu giải quyết vắng mặt).

4. Người kháng cáo:

4.1 Bà **Dương Thị H** là nguyên đơn.

4.2 Ông **Ngô Xuân B** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn bà Dương Thị H trình bày yêu cầu khởi kiện như sau: Nguyên trước đây, vợ chồng bà (chồng Ngô Xương T2) có tạo lập được một số tài sản cho các con sinh sống và lập nghiệp. Trong đó có căn nhà số E đường D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cần Thơ (nay là số E và 5 đường D, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ) để cho con là ông Ngô Xương P2 đứng tên quyền sử dụng và ở đó một thời gian ngắn thì vợ chồng bà giao lại cho vợ chồng con trai lớn là Ngô Xương T3 và Nguyễn Thị H3 ở và kinh doanh mua bán. Đến năm 2016, ông Ngô Xương T3 qua đời thì để lại cho cháu nội là Ngô Xuân B ở và kinh doanh cho đến nay. Quá trình sinh sống, kinh doanh cùng gia đình, ông Ngô Xương P2 cùng vợ là Huỳnh Hồng V có tạo lập sở hữu thêm 03 (ba) tài sản gồm quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở là: Số A đường L, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ; số A đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ và nhà đất tại thửa đất số 168 đường T, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.

Năm 2012, ông Ngô Xương P2 mất không để lại di chúc, hiện tại bà V đang quản lý, sử dụng 03 (ba) tài sản quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở là: Số A đường L, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ; số A đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ và nhà đất tại số A đường T, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ. Riêng hai căn nhà và đất số 56/3 và 5 đường D, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ do ông Ngô Xuân B quản lý, sử dụng, riêng tất cả các giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất nêu trên đều do bà Huỳnh Hồng V đang nắm giữ. Do ông Ngô Xương P2 mất không để lại di chúc, nên bà khởi kiện yêu cầu cụ thể như sau:

Đề nghị Tòa án xác định 50% giá trị của các bất động sản sau đây là di sản thừa kế do ông Ngô Xương P2 (sinh năm 1960, mất năm 2012) để lại bao gồm: nhà và đất tọa lạc tại số A đường L, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ; nhà và đất tọa lạc tại số A đường T, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ; nhà và đất tọa lạc tại số E đường D, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ; nhà và đất tọa lạc tại số E đường D, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ; nhà và đất tọa lạc tại số A đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của ông P2 để lại cho hàng thừa kế thứ nhất gồm 05 (năm) người: Bà Huỳnh Hồng V (vợ ông P2); chi

Ngô Tổ M (con ông P2); anh Ngô Thống T (con ông P2); ông Ngô Xương T2 (cha ông P2) và bà Dương Thị H (mẹ ông P2). Giao cho bà và ông Ngô Xương T2 hai quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà mang số 56/3 và 5 đường D, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ (chia bằng hiện vật), giá trị hai căn nhà và đất nêu trên nếu không đủ thì phần còn lại nhận bằng tiền mặt, nếu dư thì bà và ông T2 sẽ hoàn lại cho các đồng thừa kế còn lại bằng tiền mặt.

*Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn bà V có ý kiến và yêu cầu phản tố như sau: Bà và ông Ngô Xương P2 (đã mất năm 2012) kết hôn năm 1990 và có với nhau 02 (hai) người con chung là Ngô Tổ M và Ngô Thống T, cha mẹ của ông P2 là ông Ngô Xương T2 và bà Dương Thị H (bà H còn sống, ông T2 đã mất trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm), lúc sinh thời ông P2 và bà có tạo lập các tài sản như sau: Nhà và đất tại số E đường D, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ; nhà và đất tại số E đường D, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ; nhà và đất tại số A đường L, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ; nhà và đất tại số A đường T, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ; nhà và đất tại số A, đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Toàn bộ tài sản nhà và đất hiện nay do bà và chồng là ông P2 đứng tên, do ông P2 lúc sinh thời không có lập di chúc giao phần di sản của mình cho người nào được hưởng, nên trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị H về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông P2 để lại thì bà đồng ý, thống nhất chia thừa kế theo pháp luật của ông P2 để lại cho 05 (năm) người gồm bà, bà H, ông T2, anh T và chị M, mỗi người hưởng 1/5 kỷ phần của ông P2 để lại. Bà thống nhất sẽ chia giá trị bằng tiền cho kỷ phần thừa kế của bà H và ông T2 theo kết quả định giá thị trường hiện nay, do hiện nay ông T2 đã mất nên bà giao giá trị kỷ phần thừa kế của ông T2 cho bà H được hưởng, bà không đồng ý yêu cầu chia thừa kế bằng hiện vật của nguyên đơn bà H.

Riêng đối với yêu cầu độc lập của ông Ngô Xuân B xin hưởng căn nhà và đất mang số E đường D, phường L, quận C, thì bà không đồng ý, bởi căn nhà và đất này là tài sản của vợ chồng bà tạo lập. Đồng thời, bà có yêu cầu buộc ông B, bà H3 và bà O có nghĩa vụ di dời tài sản để trả lại căn nhà và đất trên cho bà được trọn quyền sử dụng.

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan lần lượt trình bày:

-ông Ngô Xuân B trình bày và yêu cầu độc lập: Trước đây vào năm 1990, ông bà nội của ông là bà Dương Thị H và Ngô Xương T2 có mua căn nhà mang số E đường D, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ của ông Tư N1 (C), nhà và đất

này sau khi mua thì ông T2 đứng tên quyền sử dụng, mua với số vàng là 30 (ba mươi) cây vàng. Sau đó đến năm 2002, ông bà nội ông cho cha mẹ ông là Ngô Xương T3 và bà Nguyễn Thị H3 qua ở kinh doanh, mua bán, đến năm 2016 cha ông mất để lại nhà và đất trên cho vợ chồng ông quản lý, kinh doanh mua bán tạp hóa cho đến nay, việc ông T2, bà H cho nhà và đất trên chỉ nói bằng miệng mà không có giấy tờ.

Đến ngày 05/6/2020, bà H lập văn bản vẫn thể hiện ý chí là cho ông căn nhà và phần đất trên, nhưng do hiện nay nhà và đất này bà V và ông P2 đứng tên nên không thể sang tên. Trong vụ án này, ông có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án công nhận cho ông được trọn quyền sở hữu nhà và đất tọa lạc tại số E đường D, phường L, quận C, thuộc thửa đất số 84, tờ bản đồ số 02, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và đất ở số 5404010293 do Ủy ban nhân dân tỉnh C (cũ) cấp ngày 23/5/2001. Riêng căn nhà số E đường D, phường L, quận C, ông thống nhất có nghĩa vụ trả lại cho bà V để chia thừa kế theo pháp luật.

-bà Nguyễn Thị Kiều O trình bày: Bà O thống nhất với phần trình bày và ý kiến của ông Ngô Xuân B, không có ý kiến gì thêm.

*Vụ việc hòa giải không thành nên được đưa ra xét xử công khai. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng xét xử và quyết định như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn bà Dương Thị H.

1.1 Xác định phần di sản của ông Ngô Xương P2 để lại là 50% giá trị tài sản, gồm:

Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 103, tờ bản đồ số 02 và quyền sở hữu nhà mang số E đường D, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ, của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00400 do Ủy ban nhân dân quận C cấp ngày 10/01/2008 cho ông Ngô Xương P2 và bà Huỳnh Hồng V.

Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 84, tờ bản đồ số 02 và quyền sở hữu nhà mang số 56 đường D, thị trấn C, huyện C (cũ) (nay là số E đường D, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ), của Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5404010293 do Ủy ban nhân dân thành phố C (cũ) cấp ngày 23/5/2001 cho ông Ngô Xương P2.

Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 173, tờ bản đồ số 07 và quyền sở hữu nhà tọa lạc tại đường L, thị trấn C, huyện C (cũ) (nay là số A đường L, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ) của Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử

dụng đất ở số 5404010399 do Ủy ban nhân dân huyện C (cũ) cấp ngày 23/12/2003 cho bà Huỳnh Hồng V1.

Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 168, tờ bản đồ số 7 và quyền sở hữu nhà mang số 168 đường T, khu vực T, phường L, quận C, của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01170 do Ủy ban nhân dân quận C cấp ngày 13/6/2011 cho ông Ngô Xương P2 và bà Huỳnh Hồng V.

Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 06, tờ bản đồ số 04 và quyền sở hữu nhà mang số 133 đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00519 do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 20/7/2011 cho ông Ngô Xương H2, bà Ngô Ngọc T4, được chỉnh lý cho ông Ngô Xương P2 và bà Huỳnh Hồng V vào ngày 06/01/2012.

1.2 Phần di sản trên của ông Ngô Xương P2 có tổng giá trị là 10.757.165.000đ (Mười tỷ bảy trăm năm mươi bảy triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), phần di sản này được chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm 05 (năm) người, gồm: Bà Dương Thị H, ông Ngô Xương T2, bà Huỳnh Hồng V, anh Ngô Thống T, chị Ngô Tô M, mỗi người sẽ được hưởng 1/5, tương đương số tiền là 2.151.433.000đ (Hai tỷ một trăm năm mươi một triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng).

1.3 Bà Huỳnh Hồng V có nghĩa vụ chia cho bà Dương Thị H số tiền là 4.302.866.000đ (Bốn tỷ ba trăm lẻ hai triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) (trong đó gồm kỷ phần của bà H được hưởng là 2.151.433.000đ (Hai tỷ một trăm năm mươi một triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng) và phần của ông Ngô Xương T2 là 2.151.433.000đ (Hai tỷ một trăm năm mươi một triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng)).

Kể từ ngày nguyên đơn bà Dương Thị H có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn bà Huỳnh Hồng V chưa thi hành án thì bà V còn có nghĩa vụ trả lãi chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1.4 Bà Huỳnh Hồng V được trọn quyền sở hữu và sử dụng đối với 05 (năm) tài sản trên sau khi thực hiện xong nghĩa vụ chia thừa kế cho bà H, bà V có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được công nhận quyền sở hữu và sử dụng đối với 05 (năm) tài sản trên và chịu các khoản phí, lệ phí có liên quan.

1.5 Tách nội dung tranh chấp chia thừa kế đối với phần di sản của ông Ngô Xương T2 để lại thành vụ án khác, nếu đương sự có yêu cầu.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bị đơn bà Huỳnh Hồng V.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Xuân B.

4. Buộc ông Ngô Xuân B, bà Nguyễn Thị Kiều O và bà Nguyễn Kim H1 có nghĩa vụ di dời tài sản để trả lại cho bà Huỳnh Hồng V gồm:

Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 103, tờ bản đồ số 02 và quyền sở hữu nhà mang số E đường D, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ, của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00400 do Ủy ban nhân dân quận C cấp ngày 10/01/2008 cho ông Ngô Xương P2, bà Huỳnh Hồng V.

Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 84, tờ bản đồ số 02 và quyền sở hữu nhà mang số 56 đường D, thị trấn C, huyện C (cũ) (nay là số E đường D, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ), của Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5404010293 do Ủy ban nhân dân thành phố C (cũ) cấp ngày 23/5/2001 cho ông Ngô Xương P2.

(Kèm theo Bản trích đo địa chính số: 84/TTKTTNMT ngày 10/6/2022 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C (BL 310) và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/3/2022 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng (BL 312 đến 320)).

Dành quyền lưu cư cho ông Ngô Xuân B, bà Nguyễn Thị Kiều O và bà Nguyễn Kim H1 trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo của các đương sự.

*Ngày 13 tháng 02 năm 2023, bà Dương Thị H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa án sơ thẩm giao hai căn nhà số E và 56/4, đường D, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ cho bà được hưởng thừa kế bằng hiện vật.

*Ngày 09 tháng 02 năm 2023, ông Ngô Xuân B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử cho ông được quyền sở hữu nhà số E, đường D, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện nguyên đơn bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị chia hiện vật do căn nhà này là do bà bỏ tiền ra mua, bà muốn giữ lại để quay về sống

cùng ông B do ở Rạch G chỉ là nhà con gái kinh doanh vé số không được yên tĩnh để sống. Thống nhất giá trị tài sản Tòa án đã định.

- Đại diện bị đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và đồng ý bản án sơ thẩm đã chia. Thống nhất giá đã định.

-Người liên quan ông B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị công nhận cho ông B căn nhà nêu trên do bà H đã tặng cho ông B, đề nghị xem xét lại giá trị nhà đất ở quận C.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm:

-Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

-Về nội dung: Qua tranh tụng tại phiên tòa cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy, các đương sự thống nhất về người để lại di sản là ông P2, các tài sản cũng như giá trị các tài sản đã định giá, do là tài sản chung của bà V và ông P2 nên xác định di sản ông P2 để lại 50% giá trị các tài sản, chia đều cho các thừa kế, chia cho bà H và ông T2 hưởng hiện vật do ông bà không có nhu cầu về nhà ở, ông T2 mất nên phần ông T2 hưởng tạm giao cho bà H (là vợ) quản lý. Đối với yêu cầu ông B không có cơ sở vì không có chứng cứ chứng minh vì nhà đất này của vợ chồng ông P2 và bà V, không phải của bà H nên bà H cũng không có quyền tặng cho ông B. Đề nghị sửa án theo hướng nhận định trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn bà H, bị đơn bà V và một số người liên quan vắng mặt nhưng có người đại diện và xin vắng mặt, thấy rằng, việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo nên tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà H:

[2.1] Qua tranh tụng tại phiên tòa cũng như xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: ông Ngô Xương P2 và Huỳnh Hồng V là vợ chồng chung sống với nhau có 02 người con chung: gồm anh Ngô Thống T và chị Ngô Tố M, năm 2012 ông P2 qua đời. Quá trình chung sống ông, bà có tạo lập được khối tài sản là các quyền sử dụng đất và nhà do ông, bà đứng tên gồm các thửa đất nêu trên. Ông P2 mất không để lại di chúc. Nay các thừa kế của ông P2 yêu cầu chia di sản của ông để lại là có cơ sở. Tuy nhiên, trong vụ án này, ngoài quan hệ tranh chấp chia thừa kế thì còn có tranh chấp việc tặng cho, đòi công nhận quyền sử dụng nhà, đất liên quan đến nhà, đất mà các thừa kế yêu cầu chia nên cần xác định việc tặng cho và yêu cầu này có hợp pháp để được công nhận hay không, từ đó mới xác định được phần nhà, đất còn lại những gì để chia cho các thừa kế.

[2.2] Về yêu cầu kháng cáo của ông B: ông B yêu cầu Tòa án công nhận nhà và đất số 56/4, Duy T5 cho ông do trước đó nhà này là của bà H và ông T2 là ông, bà nội của ông mua và đã tặng cho cha ông (là ông T3) và cha ông mất để lại cho ông quản lý sử dụng, nhưng theo như hồ sơ thể hiện nhà đất này do ông P2 đứng tên nhận chuyển nhượng 2001 (bút lục 207, 208), không phải ông T2 và bà H nhận chuyển nhượng, bà H cũng không có chứng cứ nào thể hiện bà bỏ tiền ra mua nhà đất này, bà V không thừa nhận nên bà H cũng không có đủ quyền năng của người sử dụng đất để tặng cho ông B, ông B còn cho rằng do ông T2 là ông nội của ông mất nên phần ông nội của ông được hưởng thừa kế từ ông P2 thì ông là người thừa kế thế vị nên giao cho ông nhà này, nhưng trong vụ án này đang xem xét giải quyết yêu cầu chia di sản của ông P2 để lại, quá trình giải quyết vụ án xác định ông T2 là một trong những người thừa kế của ông P2, ông T2 lại mất nên phần tài sản ông T2 được hưởng từ ông P2 sẽ trở thành di sản và các thừa kế của ông T2 có quyền yêu cầu chia thừa kế thành vụ án khác. Trong vụ án này, ông T2 đã mất nên nhu cầu về nhà ở là không có nên không thể giao nhà cho ông T2 nên yêu cầu ông B kháng cáo đòi nhận nhà được hưởng thừa kế thế vị từ ông T2 là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Xác định di sản và người thừa kế của ông P2: Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện hợp pháp bà H và đại diện cho bà V xác định ông P2 mất để lại các tài sản được liệt kê như cấp sơ thẩm là đúng nên ghi nhận. Về những người thừa kế của ông P2, các đương sự thống nhất có 05 người gồm: Mẹ là bà Dương Thị H, cha là Ngô Xương T2 (đã mất năm 2021), vợ Huỳnh Hồng V, con là Ngô Tố M và Ngô Thống T.

[2.4] Đối với kháng cáo của bà H yêu cầu được nhận hiện vật: thấy rằng, hiện nay bà H đã có nhà ở ổn định ở tận R, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định bà H về Rạch G ở từ trước năm 2000 nên nhu cầu về nhà ở là không có, mặt khác, phía bà H yêu cầu nhận hiện vật nhằm để cho lại cháu là ông B, điều này thể hiện rõ bà H không có nhu cầu thật sự cần thiết về nhà ở mà mong muốn cho lại cháu, tại phiên tòa, đại diện bà H cho rằng do ở Rạch G nhà con gái kinh doanh đại lý vé số rất ồn ào nên muốn chuyển về nhà 56/4 tại C ở cho được yên tĩnh, nhưng thấy rằng nhà ở C mà nguyên đơn yêu cầu thì lại nằm ngay trung tâm chợ C1 nên sự tĩnh lặng là không đảm bảo như ý của nguyên đơn nên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà H đề nghị được chia bằng hiện vật là không có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Về việc chia tài sản: quá trình giải quyết vụ án cấp phúc thẩm, phía nguyên đơn có yêu cầu định giá lại nhà đất, ngày 05/6/2013 Tòa án mở phiên tòa

xét xử phúc thẩm, xem xét yêu cầu và ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử tạm ngưng phiên tòa và chấp nhận một phần yêu cầu định giá lại đối với tài sản là nhà đất tại quận N, đối với tài sản nhà đất tại quận C thì Hội đồng định giá do Tòa án cấp sơ thẩm thành lập đã xác định được giá thị trường nên không chấp nhận định giá lại nhà đất quận C. Ngày 03/7/2023 Tòa án đã thành lập Hội đồng định giá xác định giá thị trường đối với nhà đất tại quận N, các đương sự thống nhất giá này, cụ thể nhà và đất tại thửa số 06, tờ bản đồ số 04 có diện tích 77m^2 , giá đất $150.000.000 \text{ đồng/m}^2 \times 77\text{m}^2 = 11.550.000.000 \text{ đồng}$, giá trị nhà $1.650.640.320 \text{ đồng} = 13.200.640.320 \text{ đồng}$. Đối với nhà đất tại quận C có tổng giá trị $16.112.905.030 \text{ đồng}$, tổng giá trị tài sản là: $29.313.545.350 \text{ đồng}$, trong đó bà V 50% tương đương $14.656.772.000 \text{ đồng}$ (làm tròn), phần ông P2 $14.656.772.000 \text{ đồng}$ (làm tròn). Như vậy, mỗi kỷ phần thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông P2 được hưởng tương đương số tiền là $2.931.354.400 \text{ đồng}$ (Hai tỷ, chín trăm ba mươi một triệu, ba trăm năm mươi bốn ngàn, bốn trăm đồng). Quá trình giải quyết cấp sơ thẩm, đại diện cho anh Ngô Thống T và chị Ngô Tô M có ý kiến thống nhất giao kỷ phần thừa kế được hưởng từ ông P2 cho bà V, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện hợp pháp cho anh T và chị M vẫn giữ nguyên ý kiến này, xét đây là ý kiến tự nguyện của đương sự và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận. Như vậy, bà Huỳnh Hồng V sẽ được hưởng $3/5$ trong phần di sản của ông P2 để lại, bà H và ông T2 mỗi người sẽ được hưởng $1/5$ phần di sản của ông P2 để lại. Bà V có nghĩa vụ chia giá trị thừa kế mà bà H và ông T2 được hưởng mỗi người $2.931.354.400 \text{ đồng}$. Đối với phần ông T2 được hưởng, quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm ông T2 mất, thì phần ông T2 chỉ tạm giao cho bà H (vợ ông T2) quản lý nhưng cấp sơ thẩm lại giao cho bà H hưởng theo sự thỏa thuận của bà V và bà H là chưa phù hợp vì chưa xác định hết tất cả ý kiến của các thừa kế ông T2 nên chỉ sửa phần này tạm giao cho bà H quản lý, các thừa kế ông T2 tự thỏa thuận giải quyết và có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ kiện khác.

[3] Với những nhận định nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp quy định pháp luật. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ nhân thân, xác định đúng người thừa kế, khối di sản và cách phân chia là đúng nên giữ nguyên, chỉ sửa bổ sung phần giá trị đất như nhận định tại mục [2.5] do giá thị trường tăng, vì vậy, không tính lỗi cho cấp sơ thẩm và chỉ sửa bổ sung về việc giao tạm giao phần tài sản ông T2 được hưởng cho bà H. Dành quyền khởi kiện cho các thừa kế của ông T2 nếu có yêu cầu.

[4] Về chi phí tố tụng: cấp sơ thẩm 13.100.000 đồng, cấp phúc thẩm 3.000.000 đồng, tổng cộng 16.100.000 đồng, xét thấy các đương sự có yêu cầu và được chia tài sản nên phải chịu theo quy định, riêng ông B cũng có yêu cầu trong vụ án này nhưng không được chấp nhận nên cũng phải chịu với nguyên đơn và bị đơn. Cụ thể: bà H chịu 5.366.000 đồng, ông B chịu 5.366.000 đồng, bà V chịu 5.366.000 đồng. Nguyên đơn bà H đã nộp 6.000.000 đồng, bị đơn bà V nộp 3.000.000 đồng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B nộp 7.100.000đ. Bà V có nghĩa vụ trả cho ông B 1.734.000 đồng, trả cho bà H 634.000 đồng.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí sơ thẩm: do giá trị đất được xác định lại nên án phí cần tính lại cho đúng quy định. Cụ thể: bà H là người cao tuổi được miễn, phần của anh T và chị M giao cho bà V nên bà V được hưởng thì phải chịu theo quy định.

[5.2] Án phí phúc thẩm:

-Do nguyên đơn bà H kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu, tuy nhiên là người cao tuổi nên được miễn.

- Ông B kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 166, 650, 651, 357, 468 Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Dương Thị H.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Xuân B.

- Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 06/02/2023 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng về phần giá trị tài sản chia thừa kế.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn bà Dương Thị H.

1.1 Xác định phần di sản của ông Ngô Xương P2 để lại là 50% giá trị tài sản, gồm:

Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 103, tờ bản đồ số 02 và quyền sở hữu nhà mang số E đường D, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ, của Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số H00400 do Ủy ban nhân dân quận C cấp ngày 10/01/2008 cho ông Ngô Xương P2 và bà Huỳnh Hồng V.

Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 84, tờ bản đồ số 02 và quyền sở hữu nhà mang số 56 đường D, thị trấn C, huyện C (cũ) (nay là số E đường D, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ), của Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5404010293 do Ủy ban nhân dân thành phố C (cũ) cấp ngày 23/5/2001 cho ông Ngô Xương P2.

Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 173, tờ bản đồ số 07 và quyền sở hữu nhà tọa lạc tại đường L, thị trấn C, huyện C (cũ) (nay là số A đường L, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ) của Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5404010399 do Ủy ban nhân dân huyện C (cũ) cấp ngày 23/12/2003 cho bà Huỳnh Hồng V1.

Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 168, tờ bản đồ số 7 và quyền sở hữu nhà mang số 168 đường T, khu vực T, phường L, quận C, của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01170 do Ủy ban nhân dân quận C cấp ngày 13/6/2011 cho ông Ngô Xương P2 và bà Huỳnh Hồng V.

Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 06, tờ bản đồ số 04 và quyền sở hữu nhà mang số 133 đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00519 do Ủy ban nhân dân quận N cấp ngày 20/7/2011 cho ông Ngô Xương H2, bà Ngô Ngọc T4, được chỉnh lý cho ông Ngô Xương P2 và bà Huỳnh Hồng V vào ngày 06/01/2012.

1.2 Phần di sản trên của ông Ngô Xương P2 có tổng giá trị là 14.656.772.000 đồng, phần di sản này được chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm 05 (năm) người, gồm: Bà Dương Thị H, ông Ngô Xương T2, bà Huỳnh Hồng V, anh Ngô Thống T, chị Ngô Tố M, mỗi người sẽ được hưởng 1/5, tương đương số tiền là 2.931.354.400 đồng (Hai tỷ, chín trăm ba mươi một triệu, ba trăm năm mươi bốn ngàn, bốn trăm đồng).

1.3 Bà Huỳnh Hồng V có nghĩa vụ chia cho bà Dương Thị H số tiền là 2.931.354.400 đồng (Hai tỷ, chín trăm ba mươi một triệu, ba trăm năm mươi bốn ngàn, bốn trăm đồng).

1.4. Bà Huỳnh Hồng V có nghĩa vụ chia cho ông Ngô Xương T2 số tiền là 2.931.354.400 đồng (Hai tỷ, chín trăm ba mươi một triệu, ba trăm năm mươi bốn

ngàn, bốn trăm đồng). Tạm giao số tiền của ông Ngô Xương T2 được hưởng cho bà H quản lý.

Kể từ ngày nguyên đơn bà Dương Thị H có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn bà Huỳnh Hồng V chưa thi hành án thì bà V còn có nghĩa vụ trả lãi chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1.5 Bà Huỳnh Hồng V được trọn quyền sở hữu và sử dụng đối với 05 (năm) tài sản trên sau khi thực hiện xong nghĩa vụ chia thừa kế cho bà H và ông T2, đồng thời, bà V có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được công nhận quyền sở hữu và sử dụng đối với 05 (năm) tài sản trên và chịu các khoản phí, lệ phí có liên quan.

1.6 Tách nội dung tranh chấp chia thừa kế đối với phần di sản của ông Ngô Xương T2 (được hưởng từ ông Xương P2) để lại thành vụ án khác, nếu đương sự có yêu cầu.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Huỳnh Hồng V.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Xuân B.

3.1 Buộc ông Ngô Xuân B, bà Nguyễn Thị Kiều O và bà Nguyễn Kim H1 có nghĩa vụ di dời tài sản để trả lại cho bà Huỳnh Hồng V gồm:

Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 103, tờ bản đồ số 02 và quyền sở hữu nhà mang số E đường D, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ, của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00400 do Ủy ban nhân dân quận C cấp ngày 10/01/2008 cho ông Ngô Xương P2, bà Huỳnh Hồng V.

Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 84, tờ bản đồ số 02 và quyền sở hữu nhà mang số 56 đường D, thị trấn C, huyện C (cũ) (nay là số E đường D, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ), của Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5404010293 do Ủy ban nhân dân thành phố C (cũ) cấp ngày 23/5/2001 cho ông Ngô Xương P2 (Kèm theo Bản trích đo địa chính số: 84/TTKTTNMT ngày 10/6/2022 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C).

3.2 Dành quyền lưu cư cho ông Ngô Xuân B, bà Nguyễn Thị Kiều O và bà Nguyễn Kim H1 trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về chi phí thẩm định, định giá: Bà V có nghĩa vụ trả cho ông B 1.734.000 đồng, trả cho bà H 634.000 đồng.

5. Về án phí:

5.1 Sơ thẩm:

-Bà Huỳnh Hồng V phải chịu 116.794.063 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 006918 ngày 26/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Còn phải nộp thêm 116.494.063 đồng.

-Ông Ngô Xuân B phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng 21.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 006162 ngày 22/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Được nhận lại 20.700.000 đồng.

5.2 Án phí phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà H không phải chịu. Không có thu.

- Ông Ngô Xuân B phải chịu 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng 300.000 đồng thành án phí theo biên lai thu số 0008961 ngày 28/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TPCT;
- TAND Q. Cái Răng;
- Chi Cục THADS Q. Cái Răng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Hà Thị Phương Thanh